

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HSST.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Phạm Thị Hương

Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2019/TLST - HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. **Phan Văn V**, sinh năm 1996 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Phan Văn T, sinh năm 1963; Con bà Triệu Thị B, sinh năm 1970; Bị cáo là con duy nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. **Lã Thị T**, sinh năm 1989 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 21 H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lã Bá T, sinh năm 1962; Con bà Ngô Thị T, sinh năm 1965; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chồng Trần Văn H, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. **Trần Thị H**, sinh năm 1993 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 19, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần Văn M, sinh năm 1966; Con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; Gia

đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chồng Vũ Văn S, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. **Lê Văn C**, sinh năm 1995 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Văn V, sinh năm 1966; Con bà Bùi Thị M, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1998; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người bị hại: Công ty TNHH giấy A VN; Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Chang Tusung Y, sinh năm 1948 - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH giấy A VN.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990 - Chức vụ: Quản đốc bộ phận tổng vụ Công ty TNHH giấy A VN (vắng mặt).

Những người làm chứng:

- Anh Phạm Quốc H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Anh Lê Minh T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 25, đường Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Anh Lê Kim Đ, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Đội 12, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Chị Đàm Thị T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty giấy A VN chuyên sản xuất nhãn hiệu giấy HOKA để xuất khẩu đi nước ngoài, không bán tại thị trường Việt Nam. Phan Văn V, là công nhân tại bộ phận sinh quản để thuộc xưởng B của Công ty TNHH giấy A VN. Trong thời gian đi tập gym, V biết một số người có nhu cầu mua giấy để sử dụng nên nảy sinh ý định liên hệ với một số công nhân đang làm việc trong Công ty giấy A có thể lấy trộm giấy của công ty mang ra ngoài bán cho V để V bán lại cho những người khác. Trong thời gian làm việc tại công ty, V quen với chị Đàm Thị T, sinh năm 1984 trú tại thôn T, xã P, huyện T là công nhân làm cùng xưởng với V và

biết chị T thì thoáng được tăng cường tại bộ phận hình thành của xưởng C là nơi hoàn thiện giày mới nên V hỏi chị T: “Có quen ai ở bộ phận hình thành không”. Chị T nói với V có quen Lã Thị T là công nhân làm ở bộ phận hình thành của xưởng C. V hỏi chị T xin số điện thoại của T. Chị T hỏi V xin số điện thoại của T để làm gì thì V nói: “Em có tý việc”. Khoảng đầu tháng 4/2019, V gọi điện cho T nói: “Em là em của chị T, em làm ở xưởng B, chị xem có lấy được giày không thì để cho em một đôi”. T nói với V: “Giày này lấy ra khó lắm, để chị xem đã, có gì chị báo sau”. Sau khi V gọi điện, T đã lấy điện thoại lên lút chụp những mẫu giày đã hoàn thiện tại bộ phận hình thành nơi T làm việc rồi gửi qua mạng Zalo cho V để V chọn. Khi nhận được hình ảnh các mẫu giày do T gửi, V nhắn lại cho T bảo lấy mẫu giày đen trắng cỡ 44, T đồng ý. Quá trình làm việc T lấy một đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA màu đen trắng cỡ 44 do bộ phận của T làm đã hoàn thiện để riêng ra. Sau khi hết giờ làm việc, lợi dụng lúc các công nhân đi ra ngoài xưởng, T lấy 01 chiếc giày của đôi giày mà T đã bỏ riêng ra từ trước bỏ vào túi đựng cơm rồi đem ra ngoài. Khi ra đến cổng, sợ bị lực lượng bảo vệ của công ty kiểm tra phát hiện, T đã giấu túi đựng cơm trong có chiếc giày vào trong áo mưa rồi mang ra ngoài công ty. Ngày hôm sau với thủ đoạn như trên, T tiếp tục lấy trộm chiếc giày còn lại đem ra ngoài công ty. T bán đôi giày đã lấy trộm được cho V với giá 800.000 đồng. Sau đó V mang bán đôi giày cho anh Phạm Quốc H, sinh năm 1994 ở tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T với giá 1.500.000 đồng. Khi bán đôi giày cho anh H, V nói với anh H đôi giày này là của chị V ở bên nước ngoài gửi về, V không đi nên bán lại cho anh H.

Khoảng 10 ngày sau, V nhắn tin cho T: “Chị có lấy được nữa không, lấy cho em một đôi cỡ 41”. T nói: “Lấy giày ra ngoài sợ lắm, có gì tao gọi cho”. Sau đó T đã nói với Trần Thị H là công nhân làm cùng bộ phận với T: “Thằng em chị nó đang cần lấy một đôi giày, có gì thì chị em mình lấy, rồi chị sẽ đưa tiền cho em”, H đồng ý. T và H cùng bàn bạc cách thức để lấy trộm giày của công ty. Trong quá trình làm việc, T lén lút lấy một đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA màu đen trắng cỡ 41 do bộ phận của T làm đã hoàn thiện để riêng ra. Khoảng 20 giờ ngày 18/4/2019 sau khi tan ca, đợi cho các công nhân khác đi ra ngoài xưởng, T và H đã lén lút mỗi người lấy một chiếc giày thể thao nhãn hiệu HOKA màu đen trắng cỡ 41 mà T đã lấy để riêng ra trước đó giấu vào tay áo chống nắng để tránh bị phát hiện rồi đi ra ngoài. Sau khi ra ngoài cổng công ty, H đưa chiếc giày lấy trộm được cho T. T bán đôi giày đã lấy trộm được cho V với giá 750.000 đồng. Sau khi bán giày cho V, T đã đưa cho H số tiền 300.000 đồng. Sau đó V đã bán đôi giày cho anh Trần Văn H, sinh năm 1995 trú tại xóm A, xã T, huyện T là bạn tập gym cùng với V với giá 1.400.000 đồng. Khi bán đôi giày cho anh H, V

nói với anh H đôi giày này là của anh, chị V ở bên nước ngoài gửi về, V không đi nên bán lại cho anh H.

Đầu tháng 5/2019 V nhắn tin cho T bảo T lấy thêm một đôi giày nữa của Công ty. Cũng với thủ đoạn như trên T và H đã lấy trộm một đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA màu đen trắng cỡ 41. Sau khi lấy trộm đôi giày, T bán đôi giày cho V với giá 650.000 đồng. T đã đưa cho H số tiền 300.000 đồng. Sau đó V bán đôi giày cho anh Phạm Quốc H, sinh năm 1994 ở tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T với giá 1.500.000 đồng. Đôi giày này anh H mua hộ cho anh Lê Minh T, sinh năm 1993 ở số nhà 25 Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (là anh con bác H) để sử dụng.

Ngày 12/5/2019 Lê Văn C là công nhân làm tại bộ phận dán đế của xưởng D của Công ty TNHH giày A VN nhìn thấy anh Trần Văn H đi đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA mà anh H mua của V. C gọi điện thoại cho anh H hỏi mua đôi giày ở đâu thì anh H nói là mua của V. C xin anh H số điện thoại của V rồi gọi điện cho V hỏi: “Ông còn đôi giày nào không thì để cho tôi một đôi”. V nói: “Để tôi xem đã”. Sau khi gọi điện cho V, C kết bạn qua mạng xã hội Facebook với V. Sau khi kết bạn qua Facebook, C chụp hình ảnh đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA trên mạng rồi gửi cho V hỏi: “Xem có 2 mẫu này không nhé” V đồng ý. V biết C là công nhân làm cùng công ty, sợ bị phát hiện việc lấy trộm giày của Công ty nên V bảo C giữ bí mật việc trao đổi mua bán giày với V thì C đồng ý. C hỏi V bán bao nhiêu tiền một đôi thì V nói với C là 1.500.000 đồng. V nhắn tin cho T bảo T lấy thêm một đôi giày để bán cho C.

Ngày 16/5/2019 cũng với thủ đoạn như trên T và H đã cùng nhau lấy trộm một đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA màu đen trắng cỡ 42 của công ty. Sau đó T bán đôi giày cho V với giá 800.000 đồng. T đưa cho H 300.000 đồng. V bán đôi giày cho C với giá 1.500.000đ. Sau khi mua đôi giày của V, C sử dụng đôi giày để đi lại. Ngày 03/6/2019 bị công ty phát hiện, lãnh đạo công ty TNHH giày A đã yêu cầu C giao nộp đôi giày và trình báo Công an.

Ngoài hành vi trên, khoảng tháng 3/2019 V còn mua của anh Nguyễn Văn H một đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA do Công ty TNHH giày A sản xuất với giá 1.000.000 đồng. Sau đó V bán lại cho anh Lê Kim Đ, sinh năm 1987 trú tại: Đội 12 T, xã L, huyện T với giá 1.500.000 đồng. Anh H khai: Đôi giày bán cho V là do anh nhặt được tại khu vực bãi rác ở tổ dân phố Đ, thị trấn C. Đôi giày bị rách ở phần đế giày, anh H nhặt về sửa lại rồi bán cho V. Khi bán đôi giày cho anh Đ, V nói với anh Đ là giày của anh chị V ở bên nước ngoài gửi về, V không đi nên bán lại cho anh Đ. Trong quá trình anh Đ sử dụng để đi lại thì đôi giày bị hỏng, anh Đ đã vứt bỏ đôi giày nên không thu giữ được.

Quá trình điều tra, anh Phạm Quốc H, Trần Văn H và Lê Minh T, Lê Văn C đã giao nộp các đôi giày thể thao mua của V mang nhãn hiệu HOKA. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của Phan Văn V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J5 của Lê Văn C.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐG ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định: 01 đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA của Công ty TNHH giày A VN có giá: 2.650.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H, Lê Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKS-KSĐT ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H, Lê Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nhận xét nêu trên, bị cáo ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H, Lê Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS: Xử phạt Phan Văn V mức án từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS: Xử phạt Lã Thị T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS: Xử phạt Trần Thị H mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS: Xử phạt Lê Văn C mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng của

các bị cáo đã chiếm hưởng trái phép và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 thu của bị cáo V, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J5 thu của bị cáo C.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản thu giữ đồ vật, biên bản mở niêm phong và kiểm tra vật chứng, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác trong hồ sơ đã đủ cơ sở kết luận:

Lê Văn C là công nhân của Công ty TNHH giày A VN biết giày thể thao nhãn hiệu HOKA do công ty sản xuất không bán tại thị trường Việt Nam. C biết Phạm Văn V có giày HOKA của Công ty sản xuất bán nên C đã đặt mua của V 01 đôi giày thể thao HOKA. Vì giày do V bán ra là giày do T và H là công nhân của Công ty giày A trộm cắp bán cho V. Vì vậy V yêu cầu C giữ kín việc giao dịch mua bán, C nhất trí. Ngày 16/5/2019 Phạm Văn V bàn với Lã Thị T và Trần Thị H là công nhân của Công ty trộm cắp 01 đôi giày thể thao HOKA trị giá 2.650.000 đồng bán cho Lê Văn C. Ngày 03/6/2019 C đi đôi giày đã mua của V bị Công ty giày A phát hiện, lãnh đạo Công ty yêu cầu C giao nộp đôi giày và trình báo cơ quan Công an. Quá trình điều tra đã xác định: Ngoài hành vi trộm cắp nêu trên, trong khoảng từ đầu tháng 4/2019 đến ngày 16/5/2019 Phạm Văn V còn rủ rê, xúi dục, Lã Thị T và Trần Thị H là công nhân của Công ty giày A trộm cắp 03 đôi giày HOKA, trị giá mỗi đôi giày là 2.650.000đ, tổng trị giá ba đôi giày là 7.950.000đ của Công ty giày A bán cho V. Trong đó một mình T trộm cắp một đôi trị giá 2.650.000đ, còn T và H đã cùng nhau trộm cắp hai đôi giày trị giá 5.300.000đ của Công ty sau đó bán cho V lấy tiền chia nhau. V đã mua 03 đôi giày của T và H sau đó bán cho các anh: Phạm Quốc H, Trần Văn H và Lê Minh T. Hành vi của Phạm Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H và Lê Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn.

Bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê, xúi dục Lã Thị T và Trần Thị H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo T và bị cáo H bị V rủ rê, lôi kéo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên vị trí, vai trò của các bị cáo V, T và H là như nhau. Bị cáo Lê Văn C có hành vi xúi giục Phạm Văn V thực hiện hành vi trộm cắp và đã mua của V một đôi giày trị giá 2.650.000đ, giữ vai trò thấp hơn các bị cáo V, T và H.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo V, T và H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo C không phải chịu tình tiết nào.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với các bị cáo V, T và H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Lần đầu bị đưa ra xét xử; Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện khắc phục hậu quả; Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình; Gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Bị cáo V là con một, hiện tại bố bị cáo mắc bệnh tâm thần, mẹ bị cáo ốm liệt, gia đình là hộ nghèo; bị cáo T và bị cáo H đều đang nuôi con nhỏ; Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo C, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục hậu quả; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo V, T, H và C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Về hình phạt xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay không có nghề nghiệp, HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt phụ đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả 04 đôi giày thể thao nhãn hiệu HOKA cho Công ty TNHH giày A VN. Đại diện công ty đã nhận

lại 04 đôi giấy và không yêu cầu các đối tượng phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

- Các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 5.900.000 đồng chiếm hưởng trái phép từ việc lấy trộm giấy đem bán trong đó Phan Văn V chiếm hưởng 2.900.000 đồng; Lã Thị T chiếm hưởng 2.100.000 đồng; Trần Thị H chiếm hưởng 900.000 đồng.

Các anh Phạm Quốc H, Trần Văn H và Lê Minh T yêu cầu bồi thường tiền đã bỏ ra mua giấy. CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho anh Phạm Quốc H 1.500.000 đồng, trả lại cho anh Trần Văn H 1.400.000 đồng, trả lại cho anh Lê Minh T số tiền 1.500.000 đồng. Các anh H, H, T không yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng của các bị cáo đã chiếm hưởng trái phép.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J5 là tài sản cá nhân, dùng trong sinh hoạt hàng ngày của bị cáo Phan Văn V và Lê Văn C, xét thấy không cần thiết phải tịch thu sung quỹ Nhà nước, nên trả lại cho các bị cáo sử dụng là phù hợp.

[9] Đối với đôi giấy Phan Văn V mua của anh Nguyễn Văn H, theo anh H khai đôi giấy anh H nhặt được sau đó bán lại cho V. Ngày 18/8/2019 anh H chết do vậy không có căn cứ để xử lý. Đại diện Công ty TNHH giấy A cũng không có yêu cầu đề nghị gì đối với đôi giấy trên nên không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H và Lê Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 58 BLHS:

- Xử phạt Phan Văn V **24 (hai bốn)** tháng cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt Lã Thị T **24 (hai bốn)** tháng cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt Trần Thị H **24 (hai bốn)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo Phan Văn V cho chính quyền địa phương thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Lã Thị T cho chính quyền địa phương xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Trần Thị H cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo:

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS: Xử phạt Lê Văn C **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo Lê Văn C cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo:

2. Về vật chứng:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng của các bị cáo chiếm hưởng trái phép, đã được Công an huyện Trực Ninh chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định ngày 07 tháng 11 năm 2019.

- Trả lại cho Phan Văn V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và trả lại cho Lê Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J5 (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số: 09/THA ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh với của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phan Văn V, Lã Thị T, Trần Thị H và Lê Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Trực Ninh;
- Công an Huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS Huyện Trực Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng